TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 11 năm 2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nhẫn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lâm Quốc Em**
2. Ông **Nguyễn Văn Hùng**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Trung**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: bà **Huỳnh Mộng Kiều**, Kiểm sát viên

Ngày 22/11/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2018/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2018 về "Ly hôn tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số107/2018/QĐXX-ST, ngày 02/10/2018, và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29/10/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Đàm C**, sinh năm 1988,

Địa chỉ: Số 08/01, ấp Mỹ H, xã Thới An H, huyện Kế S, tỉnh Sóc T (có mặt)

2. Bị đơn: Bà **Quách Thị Ngọc D**, sinh năm 1987,

Địa chỉ: Ấp Phước L, xã Phú T, huyện Châu T, tỉnh Sóc T (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Đàm C trình bày:

Ông và bà Quách Thị Ngọc D có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới An H, huyện Kế S, tỉnh Sóc T ngày 29/11/2010. Trong quá trình chung sống, ông và bà D có 01 con chung tên Đàm Thị Huyền N, sinh ngày 08/01/2012. Nguyên nhân mâu thuẫn là từ khi sống chung với nhau ông và bà D không có tiếng nói chung, khó hiểu được nhau và thông cảm cho nhau trong C sống, giữa ông và bà D không cùng quan điểm sống, thường xuyên mâu thuẫn cãi vã với

nhau kéo dài, C sống khó khăn, nên ông C phải đi làm thuê xa gia đình. Từ đó, tình cảm vợ chồng trở nên nhạt phai, cho nên ông C không muốn sống chung với bà D nữa. Nay ông Đàm C yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Sóc T giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đàm C yêu cầu được ly hôn với bà Quách Thị Ngọc D.

Về con chung: 01 con chung tên Đàm Thị Huyền N, sinh ngày 08/01/2012, ông yêu cầu bà D được trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành và ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung đến trưởng thành theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Đối với bà Quách Thị Ngọc D là bị đơn trong vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do và không có người đại diện tham gia phiên tòa, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b Khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

***Về quan hệ pháp luật và yêu cầu của đương sự**:*

[2] Nguyên đơn ông Đàm C yêu cầu xin được ly hôn với bị đơn bà Quách Thị Ngọc D, về con chung ông C đồng ý giao con chung cho bà D được trực tiếp nuôi con chung tên Đàm Thị Huyền N, sinh ngày 08/01/2012 đến trưởng thành và nguyên đơn đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung đến trưởng thành, về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

[3] Hội đồng xét xử xét thấy thực trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng ông C, bà D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông C cho ông được ly hôn với bà D.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống ông và bà D có 01 con chung Đàm Thị Huyền N, sinh ngày 08/01/2012. Tại phiên tòa hôm nay, ông C đồng ý giao con chung cho bà D được trực tiếp nuôi con chung đến trưởng thành và ông C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Xét thấy, trong thời gian ông C và bà D xảy ra mâu thuẫn, cháu N là con chung của ông bà, đã và đang sống chung với bà D ổn định, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho con chưa thành niên. Từ những phân tích nêu trên, nên Hội đồng xét xử thấy rằng toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận. Giao cháu N cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, ông C đồng ý tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Đối với ông C không trực tiếp nuôi con chung nhưng vẫn có quyền thăm nom con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc

gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con, theo quy định tại các Điều 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Đàm C đồng ý tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Đàm Thị Huyền N, sinh ngày 08/01/2012, mỗi tháng là 695.000 đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Xét thấy, sự tự nguyện của nguyên đơn không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này đối với nguyên đơn.

[6] Về tài sản chungvà nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa có ý kiến phát biểu nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đàm C được ly hôn với bà Quách Thị Ngọc D, về con chung: Giao cháu Đàm Thị Huyền N, sinh ngày 08/01/2012 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, về cấp dưỡng: Nguyên đơn tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 695.000 đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này đối với nguyên đơn, về tài sản và nợ chung: Không có, ông C không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch, theo quy định tại Khoản 4, Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự và Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016.

Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 2, Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Đàm C được ly hôn với bà Quách Thị Ngọc D.

1.1. Về con chung: Giao cháu Đàm Thị Huyền N, sinh ngày 08/01/2012 cho bà D được trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành.

1.2. Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông Đàm C đồng ý cấp dưỡng con chung là cháu Đàm Thị Huyền N, sinh ngày 08/01/2012, mỗi tháng là 695.000 đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án.

Địa điểm cấp dưỡng: tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn ông Đàm C không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: ông Đàm C phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001229, ngày 10/5/2018, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Nguyên đơn phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án, Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bán án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bán án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Viện Kiểm sát cùng cấp;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- UBND xã Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Nhẫn